THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ Số: /2010/QĐ-TTg	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ... tháng …… năm 2010

Dự thảo 4

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thực hiện thí điểm cơ chế chia sẻ trách nhiệm và các nguồn lợi trong quản lý, bảo vệ và phát triên Rừng đặc dụng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;
- Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;
- Căn cứ vào Luật ban hành các văn bản qui phạm pháp luật năm 2008;
- Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH

Chương I. Các qui định chung

Điều 1. Mục đích của Quyết định thực hiện thí điểm cơ chế

Mục đích của Quyết định này là tìm các giải pháp có hiệu quả cho việc quản lý, bảo tồn Rừng đặc dụng thông qua việc hình thành cơ chế chia sẻ lợi ích theo đó mở rộng khả năng tiếp cận tài nguyên rừng cho cá nhân, cộng đồng trong Rừng đặc dụng và vùng đệm mà sinh kế phụ thuộc vào tài nguyên rừng, nâng cao động lực và trách nhiệm của họ trong việc bảo tồn và phát triển Rừng đặc dụng, từng bước thực hiện xã hội hóa hoạt động quản lý và bảo vệ rừng và đa dạng sinh học.

Điều 2. Phạm vi hiệu lực và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này được áp dụng đối với các cá nhân, cộng đồng, tổ chức được giao quản lý, khai thác hoặc sinh sống hợp pháp trong các Rừng đặc dụng, vùng đệm của Rừng đặc dụng được chọn thí điểm.

2. Cơ chế qui định trong Quyết định này được áp dụng thí điểm đối với các Rừng đặc dụng sau:

(1) VQG Bạch Mã thuộc 2 tỉnh Thừa Thiên Huế - Quảng Nam;

(2) VQG Núi Chúa thuộc tỉnh Ninh Thuận;

(3) VQG Lò Gò Xa mát thuộc tỉnh Tây Ninh;

(4) Khu BTTN Mù Căng Chải thuộc tỉnh Yên Bái;

(5) Khu BTTN Xuân Liên thuộc tỉnh Thanh Hóa.

3. Trong trường hợp các qui định của Quyết định này mâu thuẫn với các Qui định khác của Chính phủ về chia sẻ lợi ích trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng thì sẽ áp dụng các qui định của Quyết định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Thuật ngữ dùng trong Quyết định được hiểu như sau:

1. "*Các nguồn tài nguyên chia sẻ được*" là các loài thực vật, động vật, các giá trị khác của Rừng đặc dụng mà việc khai thác, sử dụng không làm mất đi mục tiêu của Rừng đặc dụng; không ảnh hưởng đến môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững của đất nước.

2. "*Rừng đặc dụng*" được hiểu là khu Bảo tồn thiên nhiên/Vườn Quốc gia được chọn áp dụng thí điểm Quyết định này.

3. *Khai thác bền vững* là những hoạt động khai thác không ảnh hưởng đến độ che phủ của rừng, không làm tuyệt chủng những loài động vật, thực vật sinh trưởng, và tồn tại trong Rừng đặc dụng, bảo tồn và phát triển được các hệ sinh thái nguyên thủy trong Rừng đặc dụng.

4. *Khai thác thương mại* là hoạt động khai thác các loại gỗ, các loài cây một lá mầm, các sản phẩm rừng khác một cách thường xuyên, chuyên nghiệp nhằm mục đích bán ra thị trường để thu lợi.

5. *Các phương pháp khai thác, săn bắt truyền thống* là những phương pháp săn bắt, thu hoạch bằng các công cụ thủ công truyền thống, không có khả năng gây nguy cơ triệt hại hàng loạt các loài động, thực vật; duy trì các tập quán và truyền thống của cộng đồng bản địa sống lâu đời trong các Rừng đặc dụng hoặc vùng đệm.

6. *Mục đích sinh kế* là việc đáp ứng những nhu cầu duy trì cuộc sống của những cá nhân, hộ gia đình.

7. *Biện pháp phòng vệ cần thiết* là những biện pháp mà cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng áp dụng nhằm ngăn chặn thú dữ tấn công con người, phá hoại mùa màng.

8. *Thỏa thuận chia sẻ lợi ích* (sau đây gọi là Thỏa thuận) là văn bản được ký giữa Ban quản lý Rừng đặc dụng với cá nhân, hộ gia đình hoặc Ban đại diện của cộng đồng sống trong Rừng đặc dụng hoặc vùng đệm mà sinh kế phụ thuộc vào tài nguyên rừng nhằm xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc cùng bảo vệ, cùng quản lý, khai thác và chia sẻ các nguồn tài nguyên có thể chia sẻ trong Rừng đặc dụng.

9. *Ban đại diện* là nhóm người được các hộ gia đình, các cá nhân hoặc cộng đồng sống trong Rừng đặc dụng hoặc vùng đệm mà sinh kế phụ thuộc vào tài nguyên rừng bầu ra để thay mặt họ đàm phán, ký kết Thỏa thuận chia sẻ lợi ích với Ban quản lý Rừng đặc dụng.

10. "*Ban quản lý*" được hiểu là Ban quản lý các Rừng đặc dụng được chọn áp dụng thí điểm Quyết định này.

11. "*Chính quyền cơ sở*" được hiểu là UBND xã nơi có Rừng đặc dụng.

Điều 4. Các nguyên tắc của cơ chế chia sẻ lợi ích

Cơ chế chia sẻ lợi ích được xây dựng và thực thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

1. Dựa trên sự tham vấn và thỏa thuận giữa Ban quản lý và các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng có liên quan; thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của các cộng đồng thiểu số bản địa mà sinh kế phụ thuộc vào tài nguyên rừng.

2. Công khai, minh bạch và có sự tham gia của cá nhân, cộng đồng có liên quan vào việc quyết định hình thức và tỷ lệ chia sẻ lợi ích.

3. Phù hợp với những nguyên tắc cơ bản trong chính sách và pháp luật hiện hành về bảo vệ và phát triển rừng; có tôn trọng các tập quán truyền thống của cộng đồng trong quản lý và bảo vệ rừng, pháp luật bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

4. Có sự gắn chặt giữa các ưu tiên bảo tồn của Rừng đặc dùng với việc đáp ứng các nhu cầu sinh kế và phát triển của cộng đồng, nhất là những cộng đồng, hộ gia đình nghèo, những đối tượng chính sách.

5. Có sự gắn kết giữa kết quả quản lý và bảo vệ Rừng đặc dụng với việc cấp phép khai thác và chia sẻ các nguồn tài nguyên chia sẻ được.

Điều 5. Các bên tham gia cơ chế chia sẻ lợi ích

1. Việc chia sẻ lợi ích được áp dụng đối với các chủ thể sau đây:

a. Ban quản lý Rừng đặc dụng;

b. Cá nhân, các hộ gia đình, các cộng đồng sống trong các Rừng đặc dụng hoặc các vùng đệm mà sinh kế phụ thuộc vào tài nguyên rừng với những ưu tiên thích hợp cho các cộng đồng dân tộc thiểu số bản địa.

c. Chính quyền cơ sở.

2. Chỉ các bên tham gia vào Thỏa thuận mới được hưởng những lợi ích do cơ chế chia sẻ lợi ích qui định trong Quyết định này mang lại.

Điều 6. Chia sẻ lợi ích

1. Các nguồn tài nguyên khai thác theo các giấy phép khai thác được chia sẻ như sau:

(a) Những sản phẩm hiện vật thì các bên sẽ chia sẻ theo khối lượng dựa vào những đơn vị đo lường thích hợp với nguồn tài nguyên khai thác được theo tỷ lệ được qui định trong Thỏa thuân chia sẻ lợi ích.

(b) Những nguồn lợi thu được bằng tiền thì các bên chia sẻ theo tỷ lệ được qui định trong Thỏa thuân chia sẻ lợi ích.

2. Việc chia sẻ lợi ích phải phù hợp với các qui định của Quyết định này không gắn với việc cấp phép cấp phép thu hoạch, khai thác các nguồn tài nguyên chia sẻ được.

Chương II. CƠ CHẾ CHIA SẺ CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN CHIA SẺ ĐƯỢC TRONG RỪNG ĐẶC DỤNG

Điều 7. Các tài nguyên chia sẻ được

1. Các tài nguyên chia sẻ được dưới dạng hiện vật bao gồm song không chỉ giới hạn bởi những liệt kê sau nếu Thỏa thuận cho phép khai thác những tài nguyên khác:

(a) Củi khô; gỗ do tỉa rừng, tỉa cây theo kế hoạch và qui trình của Ban quản lý Rừng đặc dụng;

(b) Các loại cây một lá mầm có thể làm nguyên liệu sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ;

(c) Các loại thực vật có thể dùng làm dược liệu;

(d) Các động vật không thuộc loài được liệt kê trong Sách đỏ của Việt Nam và các điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường mà Việt Nam tham gia với điều kiện có số lượng cá thể lớn trong Rừng đặc dụng và việc săn bắt chúng không gây nguy cơ mất cân bằng sinh thái.

2. Các nguồn tài nguyên phi hiện vật bao gồm song không chỉ giới hạn bởi những liệt kê sau nếu các Thỏa thuận qui định những tài nguyên phi hiện vật khác:

(a) Những nguồn lợi thu được từ hoạt động du lịch sinh thái được tổ chức trong Rừng đặc dụng;

(b) Những nguồn lợi mà Ban quản lý thu được từ việc chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) hoặc những nguồn lợi tương tự;

(c) Những nguồn lợi thu được từ việc chi trả dịch vụ sinh thái (PES);

(d) Những nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho việc thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích.

2. Ban quản lý các Rừng đặc dụng phối hợp các tổ chức khoa học, với sự tham gia của các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng sống trong khu đặc dụng, vùng đệm thực hiện việc kiểm kê, đánh giá quần thể đầy đủ các nguồn tài nguyên rừng để có căn cứ lập danh mục các nguồn tài nguyên chia sẻ được, mức độ cho phép khai thác trước khi tiến hành đàm phán và ký Thỏa thuận.

3. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền thành lập Rừng đặc dụng phê chuẩn, Danh mục các nguồn tài nguyên chia sẻ được sẽ trở thành một bộ phận không thể tách rời của Thỏa thuận.

Điều 8. Thỏa thuận chia sẻ lợi ích

1. Thỏa thuận được với sự chứng kiến và xác nhận của UBND huyện hoặc các huyện nơi có Rừng đặc dụng;

2. Thỏa thuận phải có những nội dung chính sau đây:

- Họ, tên, chức vụ của người đại diện cho Ban quản lý Rừng đặc dụng, họ tên người thay mặt cho Ban đại diện của cộng đồng sống trong Rừng đặc dụng;

- Nguồn tài nguyên có thể khai thác và chia sẻ phù hợp với điều kiện và tính chất của từng Rừng đặc dụng;

- Thời gian khai thác, số lượng được khai thác;

- Phương thức khai thác;
- Tỷ lệ chia sẻ;
- Quyền và nghĩa vụ của các bên trong Thỏa thuận;
- Những biện pháp hỗ trợ kỹ thuật cho các bên tham gia Thỏa thuận;
- Cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện;
- Các chế tài áp dụng đối với các vi phạm Thỏa thuận và thẩm quyền xử lý;
- Phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh giữa các bên;
- Các nội dung khác mà các bên thấy cần thiết phải qui định trong Thỏa thuận tùy theo điều kiện đặc thù của từng Rừng đặc dụng.

3. Tùy theo điều kiện cụ thể của từng Rừng đặc dụng, các bên đưa vào Thỏa thuận việc cho phép săn bắt một số loài động vật không thuộc diện bị cấm theo pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường với điều kiện đã có đánh giá quần thể và có cơ chế kiểm soát hiệu quả việc săn bắt.

Điều 9. Quyền và Nghĩa vụ của Ban quản lý tham gia Thỏa thuận

1. Ban quản lý Rừng đặc dụng có các quyền sau:

(a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ các nguồn tài nguyên trong Rừng đặc dụng căn cứ vào pháp luật hiện hành về bảo vệ và phát triển rừng, Qui chế của Rừng đặc dụng và các qui định của Quyết định này;

(b) Cấp phép khai thác các nguồn tài nguyên chia sẻ được cho các cá nhân, tổ chức tham gia cơ chế chia sẻ lợi ích căn cứ vào Thỏa thuận;

(c) Nhận những lợi ích được chia sẻ theo tỷ lệ, phương thức mà Thỏa thuận qui định;

(d) Phát hiện và xử lý các vi phạm pháp luật hoặc lạm dụng giấy phép của các chủ thể được phép khai thác các nguồn lợi trong Rừng đặc dụng theo Thỏa thuận;

(đ) Khen thưởng các cá nhân có những đóng góp tích cực và hiệu quả cho việc bảo vệ và phát triển rừng và các nguồn tài nguyên trong Rừng đặc dụng;

(e) Tiếp nhận và sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ từ các tổ chức khoa học, các nhà tài trợ cho việc tiến hành kiểm kê tài nguyên, đánh giá quần thể động thực vật và thực hiện Thỏa thuận.

2. Ban Quản lý các Rừng đặc dụng có các nghĩa vụ sau:

(a) Phối hợp với Tổ Giám sát, Ban đại diện thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo việc khai thác tài nguyên chia sẻ được và việc chia sẻ lợi ích phù hợp với Thỏa thuận, Qui chế của Rừng đặc dụng và các qui định của Quyết định này;

(b) Thông báo công khai cho các cá nhân, tổ chức có liên quan Qui chế của Rừng đặc dụng, Thỏa thuận đã được ký;

(c) Phối hợp với Ban đại diện, Tổ giám sát và chính quyền cơ sở xử lý các vi phạm pháp luật của cá nhân, tổ chức trong quá trình khai thác các nguồn tài nguyên chia sẻ được theo Thỏa thuận;

(d) Tiến hành khảo sát tài nguyên rừng, đánh giá quần thể để xác định các loài động thực vật và số lượng của chúng trong Rừng đặc dụng, lập danh mục các nguồn tài nguyên có thể chia sẻ được trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

(đ) Cấp phép khai thác các nguồn tài nguyên chia sẻ được cho các cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng tham gia Thỏa thuận; trong trường hợp từ chối cấp phép phải thông báo bằng văn bản việc từ chối và lý do từ chối;

(e) Chủ động phối hợp với chính quyền cơ sở, các tổ chức xã hội tiến hành tuyên truyền giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường.

Điều 10. Quyền và Nghĩa vụ của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng tham gia Thỏa thuận

1. Các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng sống trong Rừng đặc dụng hoặc vùng đệm tham gia Thỏa thuận có các quyền sau:

(a) Được khai thác các nguồn tài nguyên chia sẻ được phù hợp với các điều kiện qui định trong Thỏa thuận;

(b) Được duy trì các phương pháp truyền thống trong bảo vệ, quản lý rừng, thu hoạch các sản phẩm của rừng trong khuôn khổ cơ chế chia sẻ lợi ích;

(c) Được bầu cử và ứng cử vào Ban đại diện để thay mặt cho những cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng trong quan hệ với Ban quản lý Rừng đặc dụng;

(d) Được giáo dục và bồi dưỡng các kiến thức về bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học;

(đ) Được Ban quản lý Rừng đặc dụng cung cấp những thông tin về Thỏa thuận;

(e) Được Ban quản lý cung cấp những phương tiện thông tin liên lạc (nếu có);

(f) Được cấp giấy khai thác, thu hoạch nguồn tài nguyên chia sẻ được theo trình tự và thủ tục qui định trong Quyết định này và trong Thỏa thuận.

2. Các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng sống trong Rừng đặc dụng hoặc vùng đệm tham gia Thỏa thuận có các nghĩa vụ sau:

(a) Tôn trọng và thực hiện đúng những cam kết trong Thỏa thuận đã ký;

(b) Thực hiện kịp thời các biện pháp bảo vệ và phát triển Rừng đặc dụng được xác định trong Thỏa thuận;

(c) Thông báo kịp thời cho Ban quản lý Rừng đặc dụng hoặc các cơ quan bảo vệ pháp luật khi phát hiện những hành vi xâm hại, khai thác trái phép các nguồn tài nguyên trong Rừng đặc dụng;

(d) Trong phạm vi khả năng của mình, chủ động hoặc phối hợp với những người khác ngăn chặn những người khác xâm nhập trái phép Rừng đặc dụng với mục đích khai thác tài nguyên rừng, săn bắn;

(đ) Khai thác, thu hoạch các nguồn tài nguyên chia sẻ được theo đúng những cam kết trong Thỏa thuận.

Điều 11. Ban đại diện

1. Ban đại diện gồm có từ 7 đến 15 thành viên tùy thuộc vào số lượng người sống trong Rừng đặc dụng, vùng đệm. Các thành viên của Ban đại diện được các cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng sống trong Rừng đặc dụng, vùng đệm bầu ra để đại diện cho họ đàm phán, ký kết và giám sát thực hiện Thỏa thuận. Ban đại diện bầu một người làm trưởng ban và 2 phó ban.

2. Ban đại diện hoạt động theo nguyên tắc tập thể, dân chủ và chịu trách nhiệm trước những cá nhân, hộ gia đình hoặc cộng đồng mà họ đại diện.

3. Nếu trong Thỏa thuận không có qui định khác thì Ban đại diện được thực hiện những hoạt động sau:

(a) Đàm phán, ký kết Thỏa thuận và đôn đốc các bên thực hiện tốt Thỏa thuận đã ký;

(b) Tham gia cùng với Ban quản lý quyết định các vấn đề liên quan đến việc thực hiện Thỏa thuận, bảo vệ, quản lý và phát triển các nguồn tài nguyên trong Rừng đặc dụng.

(c) Đảm bảo tính xác thực khi xác nhận nhu cầu sinh kế, nhân thân của những người làm đơn xin cấp giấy phép khai thác các nguồn tài nguyên chia sẻ được.

(d) Thường xuyên phản ánh kết quả các hoạt động xóa đói, giảm nghèo theo các chương trình khác của Chính phủ, của các tổ chức xã hội đối với cộng đồng sống trong Rừng đặc dụng, vùng đệm để làm cơ sở cho việc hoạch định các giải pháp thực hiện Thỏa thuận.

Điều 12. Quản lý khai thác, thu hoạch nguồn tài nguyên chia sẻ được

1. Việc cấp phép khai thác, thu hoạch các nguồn tài nguyên chia sẻ được sẽ do Ban quản lý Rừng đặc dụng thực hiện căn cứ vào nội dung Thỏa thuận và Danh mục các nguồn tài nguyên chia sẻ được mà cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Giấy phép khai thác tài nguyên chia sẻ được sẽ được cấp cho cá nhân, hộ gia đình hoặc cộng đồng sống trong Rừng đặc dụng, vùng đệm vì sinh kế theo đơn đề nghị có sự xác nhận của Ban đại diện.

3. Nội dung giấy phép khai thác bao gồm:

(a) Họ tên, chức vụ của người cấp phép;

(b) Họ tên, địa chỉ của người được cấp phép;

(c) Loại và số lượng nguồn tài nguyên được phép khai thác;

(d) Thời điểm bắt đầu và kết thúc việc khai thác;

(đ) Hiện trường khai thác;

(e) Phương thức khai thác;

(f) Hình thức kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác;

(h) Thời hạn có hiệu lực của giấy phép.

3. Giấy phép khai thác, thu hoạch nguồn tài nguyên chia sẻ được chỉ có giá trị trong thời hạn ghi trên giấy phép và hoàn toàn không thể chuyển nhượng.

Điều 13. Thủ tục cấp và thu hồi giấy phép khai thác nguồn tài nguyên chia sẻ được

1. Việc cấp phép khai thác được tiến hành theo thủ tục sau:

(a) Cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng có nhu cầu khai thác làm đơn đề nghị, xin xác nhận của Ban đại diện và gửi đến Ban quản lý;

(b) Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, Ban quản lý căn cứ vào Thỏa thuận, căn cứ vào Qui chế quản lý Rừng đặc dụng, căn cứ vào Thỏa thuận và Danh mục tài nguyên chia sẻ được cấp giấy phép cho người đề nghị. Nếu từ chối cấp phép, trong vòng 5 ngày làm việc Ban quản lý phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị, trong đó phải nêu rõ lý do từ chối.

(c) Việc cấp phép khai thác chỉ được thực hiện đối với các nguồn tài nguyên được phép khai thác và chia sẻ theo Danh mục tài nguyên chia sẻ được. Ban Quản lý Rừng đặc dụng chịu trách nhiệm về sự phù hợp của việc cấp giấy khai thác với Thỏa thuận và Danh mục đính kèm.

2. Ban quản lý Rừng đặc dụng thu hồi giấy phép khai thác, thu hoạch nguồn tài nguyên chia sẻ được khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

(a) Người được cấp giấy phép chuyển giao giấy phép cho người khác sử dụng để khai thác, thu hoạch các nguồn tài nguyên chia sẻ được trong Rừng đặc dụng;

(b) Người được cấp giấy phép lợi dụng giấy phép để khai thác, thu hoạch nguồn tài nguyên chia sẻ được vì mục đích thương mại; phá hoại rừng; săn bắt động vật hoang dã quí hiếm;

(c) Người được cấp giấy phép khai thác, thu hoạch nguồn tài nguyên chia sẻ được bằng các biện pháp không được qui định trong Thỏa thuận;

(d) Người được cấp giấy phép khai thác, thu hoạch nguồn tài nguyên chia sẻ được vượt quá 10% định mức cho phép được xác định trong Thỏa thuận;

(e) Người được cấp phép hơn hai lần từ chối tham gia các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng được qui định trong Thỏa thuận theo yêu cầu của Ban quản lý, Ban đại diện, Tổ giám sát hoặc chính quyền cơ sở.

Chương III. THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN CƠ CHẾ CHIA SẺ LỢI ÍCH

Điều 14. Cung cấp thông tin

1. Ban quản lý Rừng đặc dụng, Ban đại diện và địa phương nơi Rừng đặc dụng được thành lập thường xuyên cung cấp, chia sẻ những thông tin liên quan đến tình trạng Rừng đặc dụng, những vi phạm đã diễn ra và những biện pháp đã thực hiện để ngăn chặn vi phạm.

2. Ban quản lý Rừng đặc dụng đảm bảo cho các bên tham gia cơ chế chia sẻ lợi ích tiếp cận những thông tin liên quan đến các nguồn lợi có thể chia sẻ được.

3. Các bên tham gia cơ chế chia sẻ lợi ích phải thông báo cho Ban quản lý Rừng đặc dụng những nguồn tài nguyên chia sẻ được mà họ phát hiện ra nhằm đưa vào khai thác, thu hoạch theo cơ chế chia sẻ lợi ích.

Điều 15. Phối hợp hoạt động

1. Ban quản lý Rừng đặc dụng, Ban đại diện và chính quyền cơ sở nơi Rừng đặc dụng được thành lập phối hợp các hoạt động nhằm thực hiện Thỏa thuận về chia sẻ lợi ích.

2. Ban quản lý Rừng đặc dụng, Ban đại diện và chính quyền cơ sở hàng quí họp để nghe Tổ giám sát báo cáo việc thực hiện Thỏa thuận; thảo luận và đưa ra các giải pháp khắc phục những khó khăn trong việc thực hiện Thỏa thuận.

3. Khi có yêu cầu của Ban quản lý Rừng đặc dụng hoặc của chính quyền cơ sở, cá nhân, cộng đồng sống trong Rừng đặc dụng hoặc vùng đệm tham gia ngăn chặn những hành vi xâm hại rừng, khai thác trái phép các nguồn tài nguyên trong Rừng đặc dụng, cứu hộ khi xảy ra sự cố cháy rừng.

Điều 16. Giám sát việc thực hiện Thỏa thuận

1. Việc giám sát thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích thể hiện trong Thỏa thuận là trách nhiệm được thực hiện bởi Tổ giám sát. Số lượng thành viên của Tổ giám sát là 7-9 người tùy theo tính chất, đặc điểm của từng Rừng đặc dụng. Thành phần của Tổ giám sát bao gồm:

(a) Đại diện Lãnh đạo Ban quản lý Rừng đặc dụng;

(b) Kiểm lâm địa bàn;

(b) Thành viên của Ban đại diện;

(c) Đại diện của Chính quyền cơ sở.

2. Nếu trong Thỏa thuận không có những qui định khác, Tổ giám sát sẽ thực hiện các nhiệm vụ sau:

(a) Giữ vai trò là cơ quan thường trực của các bên tham gia Thỏa thuận;

(b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các bên thực hiện Thỏa thuận;

(c) Phát hiện và thông báo kịp thời cho cán bộ có thẩm quyền của Ban quản lý Rừng đặc dụng, trưởng Ban đại diện về những vi phạm đối với Thỏa thuận và kiến nghị biện pháp khắc phục;

(d) Báo cáo về tình hình thực hiện Thỏa thuận tại các phiên họp đinh kỳ hoặc đột xuất của Ban quản lý, Ban đại diện và chính quyền cơ sở.

(đ) Đề xuất và tham gia triển khai những biện pháp bảo vệ và phát triển Rừng đặc dụng, bảo tồn đa dạng sinh học.

(e) Hòa giải bất đồng các tranh chấp phát sinh giữa các bên từ việc thực hiện Thỏa thuận.

(f) Đề xuất các biện pháp xử vi phạm hoặc trực tiếp xử lý các vi phạm theo thẩm quyền qui định trong Thỏa thuận.

Điều 17. Xử lý vi phạm

1. Nếu Thỏa thuận không có qui định khác thì việc xử lý các vi phạm đối với Thỏa thuận được tiến hành theo chế tài dưới đây:

(a) Phê bình trước cộng đồng;

(b) Tịch thu các phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm;

(c) Thu hồi giấy phép khai thác;

(d) Chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo qui định của pháp luật hiện hành về bảo vệ và phát triên rừng, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học;

(e) Chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Nếu Thỏa thuận không có qui định khác, thẩm quyền áp dụng các chế tài nêu ở khoản 1 Điều 17 này được qui định như sau

(a) Việc áp dụng chế tài tại Điểm (a), Khoản 1, Điều 17 sẽ do Ban đại diện thực hiện;

(b) Việc áp dụng chế tài tại Điểm (b), Khoản 1, Điều 17 sẽ do Ban đại diện thực hiện; sẽ do Tổ giám sát thực hiện;

(c) Việc áp dụng các các điểm (c), (d), (e) Khoản 1, Điều 17 sẽ do Ban quản lý thực hiện.

Điều 18. Giải quyết tranh chấp

1. Nếu Thỏa thuận không có qui định khác, việc giải quyết tranh chấp phát sinh sinh từ việc thực hiện Thỏa thuận được thực hiện như sau:

(a) Các tranh chấp phát sinh giữa các cá nhân, hộ gia đình sẽ do Ban đại diện thực hiện theo phương thức hòa giải;

(b) Các tranh chấp phát sinh giữa cá nhân, hộ gia đình với Ban quản lý sẽ do Tổ giám sát thực hiện theo phương thức hòa giải.

(c) Các tranh chấp phát sinh giữa cộng đồng với Ban quản lý sẽ được giải quyết tại phiên họp thường kỳ hay đột xuất giữa Ban quản lý, Ban đại diện, Chính quyền cơ sở.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì và phối hợp với Bộ Tư pháp hướng dẫn qui trình hòa giải các tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện Thỏa thuận.

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Ủy ban nhân dân các tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các Rừng đặc dụng thuộc sự quản lý của mình có trách nhiệm xem xét và phê duyệt danh mục các nguồn lợi chia sẻ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Danh mục này từ Ban quản lý.

2. Trong vòng 3 tháng kể từ ngày hết hiệu lực của Quyết định này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và ủy Ban nhân dân các tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bên tham gia cơ chế chia sẻ lợi ích tổng kết việc thí điểm; bổ sung hoàn thiện các qui định trong Quyết định để trình Thủ tướng chính phủ.

3. Ủy ban nhân dân các xã nơi có Rừng đặc dụng hoặc vùng đệm có trách giám sát việc thực hiện Thỏa thuận.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngay sau khi Quyết định này được ký có trách nhiệm tiến hành xây dựng các chỉ số và tiêu chí đánh giá toàn diện tác động của Quyết định này.

Điều 20. Tổng kết việc thực hiện thí điểm cơ chế chia sẻ lợi ích

1. Ban quản lý hàng quí báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND chủ quản về tiến độ và kết quả thực hiện Quyết định.

2. Định kỳ 6 tháng các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh có Rừng đặc dụng trực thuộc sự quản lý của mình được chọn áp dụng thí điểm Quyết định này báo cáo về tình hình thực hiện thí điểm cơ chế chia sẻ lợi ích để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ.

3. Việc tổng kết thí điểm phải bao gồm các đánh giá tác động của cơ chế này đối với việc bảo vệ và phát triển Rừng đặc dụng và tác động xã hội đối với cá nhân, hộ gia đình và đối với địa phương nơi có Rừng đặc dụng.

Điều 21. Kinh phí thực hiện thí điểm cơ chế

1. Việc áp dụng cơ chế chia sẻ lợi sẽ được thực hiện một phần bởi kinh phí của Ngân sách, một phần từ nguồn tài nguyên khai thác được hoặc từ sự đóng góp của các bên tham gia Thỏa thuận.

2. Quĩ bảo tồn Việt Nam (VCF) có thể dành một phần kinh phí dành cho việc thực hiện thí điểm cơ chế chia sẻ lợi ích.

Chương IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Quyết định này có hiệu lực kể từ Quyết định được đăng Công báo theo qui định của Luật ban hành các văn bản qui phạm pháp luật năm 2008 và có hiệu lực thí điểm trong 3 năm.

Điều 23. Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh Yên Bái, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Ninh Thuận và Tây Ninh và Ban quản lý các Rừng đặc dụng chịu sự quản lý chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
  Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính,
  Tài nguyên và Môi trường;

- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN,
  Website Chính phủ,
  Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ,
  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
  - Lưu: Văn thư, NN (5b).

Nguyễn Tấn Dũng

•